

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2022/HC-PT**
Ngày: 25 - 5 - 2022
V/v khiếu kiện yêu cầu hủy
Thông báo nộp tiền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh

Ông Y Phi Kbuôr

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Thùy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 02/2022/TLPT-HC ngày 30/3/2022, về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy thông báo nộp tiền sử dụng đất”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐ-PT ngày 05/5/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phún Chấn B, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Khóm C, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1994 (văn bản ủy quyền ngày 26/3/2021), có mặt.

Địa chỉ: Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Người bị kiện: Chi cục Thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Phạm Thái V - Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế thành phố B (Văn bản ủy quyền ngày 26/5/2021), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Tiến M - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B (Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2022), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Đường C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3.2. Bà Phún S, sinh năm 1933.

3.3. Ông Phún Phôi D, sinh năm 1935.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phún S và ông Phún Phôi D: Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1994 (văn bản ủy quyền ngày 30/12/2021), có mặt.

Địa chỉ: Đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

4. *Người kháng cáo:* Chi cục Thuế thành phố B, là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Năm 1956, ông Phún Mạnh V khai hoang lô đất thửa đất số 28, tờ bản đồ số 60, tổng diện tích 510,6m² tại phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk làm nhà ở. Năm 1993, ông Phún Mạnh V chết. Đến năm 1995, bà Vòng S (Vợ ông V) chết không để lại di chúc. Bà Phún S và ông Phún Phôi D là những người thừa kế đối với quyền sử dụng đất trên. Vào ngày 23/4/2013, bà S và ông D đã lập Văn bản thỏa thuận số 03106, quyền số 04/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Đ chứng thực để cử ông Phún Chấn B là người đại diện làm các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 16/8/2013, Ủy ban nhân dân (Sau đây viết tắt là UBND) thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 509355 cho ông Phún Chấn B (là người đại diện cho những người cùng sử dụng đất).

Ngày 24/9/2019, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6887/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Hồ thủy lợi E, phường A, thành phố B, trong đó thu hồi toàn bộ diện tích đất trên của hộ ông Phún Chấn B. Cùng ngày, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6878/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án, trong đó có ông Phún Chấn B (là người đại diện cho những người sử dụng đất).

Ngày 22/10/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7465/QĐ-UBND về việc giao đất cho ông Phún Chấn B (là đại diện các đồng thừa kế) thửa đất số 117 (Thửa cũ LK05-11), tờ bản đồ số 01 (tờ cũ: Độc lập), diện tích 129,93m² để sử dụng vào mục đích đất ở.

Ngày 26/10/2020, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B đã có Thông báo số 805/TB-TNMT về việc kê khai hồ sơ để thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên.

Ngày 09/11/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B gửi phiếu chuyển thông tin mã số 2034141/PCTTĐC đến Chi cục Thuế thành phố B để xác định nghĩa vụ tài chính của ông Phún Chấn B (đại diện các đồng thừa kế) có nội dung sau:

- Thông tin thửa đất: Thửa đất số: 117 (LK05-11); Tờ bản đồ số: 1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ thửa đất tại phường H; Diện tích thửa đất: 129,93m²; Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất: 129,93m²; Nguồn gốc đất: UBND thành phố B giao đất; Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị; Giá đất: Theo Quyết định số 3462/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk,...; Đối tượng miễn, giảm: Hộ đồng bào dân tộc thiểu số, dân tộc Hoa;

- Các tài liệu đính kèm theo Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai: Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Quyết định về việc giao đất cho ông Phún Chấn B; Trích lục bản đồ địa chính; Thông báo về việc kê khai hồ sơ để thực hiện nghĩa vụ tài chính; Đơn ghi nợ nghĩa vụ tài chính; Văn bản đề nghị miễn (giảm) thuế; Bản cam kết đất trong hạn mức đất ở; tờ khai tiền sử dụng đất; Tờ khai lệ phí trước bạ, ...

Ngày 01/3/2021, Chi cục Thuế thành phố B đã ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2160501-TK0011162/TB-CCT đối với ông Phún Chấn B, theo đó, ông B phải nộp tiền theo mức bằng 100% tiền sử dụng đất với số tiền 1.039.440.000 đồng. Cùng ngày, Chi cục Thuế thành phố B có Công văn số 228/CCT-TB&TK về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, trong đó cho rằng UBND thành phố B giao đất cho ông Phún Chấn B (là đại diện các đồng thừa kế) nên không thuộc trường hợp được xem xét giảm 50% tiền sử dụng đất.

**/ Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Phún Chấn B là ông Nguyễn Anh V trình bày có nội dung như sau:*

Ông Phún Chấn B, bà Phún S và ông Phún Phôi D thuộc đối tượng đồng bào dân tộc thiểu số và có hoàn cảnh khó khăn nên UBND thành phố B đã hướng dẫn ông B làm hồ sơ và văn bản đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất. Sau khi ông B làm các thủ tục theo hướng dẫn thì ông B đã có tên trong danh sách được xem xét miễn, giảm tiền sử dụng đất.

Tuy nhiên, ngày 01/03/2021, Chi cục Thuế thành phố B đã ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2160501-TK0011162/TB-CCT với số tiền phải nộp là 1.039.440.000 đồng (Bằng 100% tiền sử dụng đất). Đồng thời, có Văn bản số 228/CCT-TB&TK ngày 01/03/2021 với nội dung cho rằng ông B không thuộc trường hợp được xem xét giảm 50% tiền sử dụng đất.

Để kịp thời hạn nộp tiền thuế theo quy định thì ngày 23/3/2021 ông B đã nộp tiền thuế trước bạ nhà đất là 5.197.200 đồng, tiền sử dụng đất là 519.720.000 đồng (tương đương 50% tiền sử dụng đất) vào ngân sách Nhà nước và kể từ sau khi nhận thông báo nộp tiền gia đình ông B cũng đã nhiều lần đề nghị Chi cục Thuế xem xét lại nhưng đến nay vẫn không được giải quyết. Việc Chi cục Thuế Thành phố B ban hành Thông báo số LTB2160501-TK0011162/TB-CCT và Văn bản số 228/CCT-TB&TK ngày 01/03/2021 là không đúng và chưa phù hợp theo quy định pháp luật, bởi lẽ:

Căn cứ theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định: “Giảm 50% tiền sử dụng đất trong hạn mức đất ở đối với hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo tại các địa bàn không thuộc phạm vi quy định tại Khoản

2 Điều 11 Nghị định này khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất; công nhận (cấp Giấy chứng nhận) quyền sử dụng đất lần đầu đối với đất đang sử dụng hoặc khi được chuyển mục đích sử dụng từ đất không phải là đất ở sang đất ở”.

Căn cứ theo quy định nêu trên thì gia đình ông B thuộc đối tượng được miễn giảm 50% tiền sử dụng đất bởi gia đình ông B là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống bằng nghề làm nông và có hoàn cảnh vô cùng khó khăn cả gia đình ông B cùng sinh sống trong 01 căn nhà thuộc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 60, thửa đất này cũng là thửa đất ở duy nhất của gia đình ông B. Do đó, việc Chi cục Thuế thành phố B ban hành văn bản cho rằng gia đình ông B không thuộc đối tượng được giảm 50% tiền sử dụng đất là chưa hợp lý, trái với quy định của pháp luật. Điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông B.

Vì vậy, ông B khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết tuyên: Hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2160501-TK0011162/TB-CCT của Chi cục Thuế thành phố B. Yêu cầu Chi cục Thuế thành phố B hoàn trả lại số tiền 519.720.000 đồng mà ông B đã nộp vào ngân sách Nhà nước ngày 23/3/2021 và đề nghị Chi cục Thuế thành phố B xác định lại nghĩa vụ tài chính theo đúng đối tượng mà ông B được hưởng theo quy định của pháp luật.

**/ Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chi cục Thuế thành phố B trình bày có nội dung như sau:*

Căn cứ tài liệu kèm theo phiếu chuyển thông tin mã số 2034141/PCTTĐC của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B và chính sách về thu tiền sử dụng đất hiện hành, Chi cục Thuế thành phố B đã phát hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2060501-TK00011162/TB-CCT ngày 01/3/2021 đối với ông Phún Chấn B với số tiền 1.039.440.000 đồng.

Đối với việc đề nghị giảm 50% tiền sử dụng đất của ông Phún Chấn B, Chi cục Thuế thành phố B đã có công văn số 228/CCT-TB&TK ngày 01/3/2021 trả lời cho ông Phún Chấn B, trong đó nêu rõ ông Phún Chấn B không thuộc đối tượng được giảm 50% tiền sử dụng đất do UBND thành phố B giao đất cho các đồng thừa kế, do ông Phún Chấn B làm đại diện chứ không phải quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Phún Chấn B.

Chi cục Thuế đã ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2060501-TK00011162/TB-CCT ngày 01/3/2021 với số tiền 1.039.440.000 đồng là đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phún Chấn B thì Chi cục Thuế thành phố B là không đồng ý.

**/ Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trình bày có nội dung như sau:*

Việc UBND thành phố B Quyết định thu hồi đất và giao đất cho ông Phún Chấn B (là đại diện các đồng thừa kế) là thực hiện đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Căn cứ vào nguồn gốc đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như Quyết

định giao đất thể hiện việc thu hồi đất và giao đất cho hộ gia đình ông Phún Mạnh V và bà Vòng S mà người đại diện là ông Phún Chấn B.

Vì vậy, đề nghị Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ của các bên liên quan và kết quả xác minh thực tế để giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của người khởi kiện ông Phún Chấn B đúng quy định của pháp luật.

** Người đại diện theo ủy quyền của bà Phún S và ông Phún Phôi D là ông Nguyễn Anh V trình bày:* Việc Chi cục Thuế thành phố B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất LTB2160501-TK0011162/TB-CCT với số tiền phải nộp là 1.039.440.000 đồng (bằng 100% tiền sử dụng đất). Đồng thời, có văn bản số 228/CCT-TB&TK ngày 01/3/2021 với nội dung cho rằng gia đình không thuộc trường hợp được xem xét giảm 50% tiền sử dụng đất là chưa phù hợp. Bà S, ông D không đồng ý với các văn bản của Chi cục Thuế thành phố B. Bà S, ông D đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phún Chấn B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2022/HC-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ Điều 2; Điều 11; Điều 12; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 130; Điều 146; Điều 149 và Điều 157 Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 110 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ Điều 10; Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Điều 14 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; Căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện - Ông Phún Chấn B.

Tuyên hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2160501-TK0011162/TB-CCT ngày 01/3/2021 của Chi cục thuế Thành phố B. Buộc Chi cục Thuế thành phố B xác định lại nghĩa vụ tài chính theo đúng đối tượng mà ông Phún Chấn B được hưởng theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chi cục Thuế thành phố B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng. Ông Phún Chấn B được nhận lại 12.694.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu tiền số 60AA/2021/0003803 ngày 07/4/2021.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/02/2022, Chi cục Thuế thành phố B có đơn kháng cáo, với nội dung: kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại theo hướng không được giảm 50% tiền sử dụng đất theo quy định và công nhận thông báo nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Nguyễn Anh V vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa trình bày ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính; về nội dung: Nguồn gốc thửa đất bị thu hồi là của hộ gia đình ông Phún Mạnh V và bà Vòng S1; ông V bà S1 mất để lại cho những người đồng thừa kế; những người này thống nhất để ông Phún Chấn B đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải cá nhân ông B. UBND thành phố B giao đất cho những người đồng thừa kế của ông V bà S1, ông B là người đại diện. Theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì trường hợp của ông Phún Chấn B thuộc trường hợp được giảm 50% tiền sử dụng đất trong hạn mức đất ở. Do đó, kháng cáo của Chi cục Thuế thành phố B là không có căn cứ.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Không chấp nhận đơn kháng cáo của Chi cục Thuế thành phố B; giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đối với người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chi cục Thuế thành phố B, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố B vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Đối với kháng cáo của người bị kiện Chi cục Thuế thành phố B, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc đất: Năm 1956, ông Phún Mạnh V khai hoang thửa đất số 28, tờ bản đồ số 60, tổng diện tích 510,6m² tại phường A, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk làm nhà ở. Năm 1993, ông Phún Mạnh V chết. Đến năm 1995, bà Vòng S1 (Vợ ông V) chết không để lại di chúc. Bà Phún S và ông Phún Phôi D là những người thừa kế đối với quyền sử dụng đất trên. Vào ngày 23/4/2013, bà S và ông D đã lập Văn bản thỏa thuận số 03106, quyền số 04/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Đ chứng thực để cử ông Phún Chấn B là người đại diện làm các thủ tục và là đại diện đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 16/8/2013, UBND thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 509355 cho ông Phún Chấn B (là người đại diện cho những người sử dụng đất). Năm 2019, UBND thành phố B thu hồi toàn bộ diện tích 510,6m² trên để thực hiện dự án Hồ thủy lợi E, phường A, thành phố B. Ngày 22/10/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7465/QĐ-UBND về việc giao

đất cho ông Phún Chấn B (là đại diện các đồng thừa kế) thửa đất số 117 (Thửa cũ LK05-11), tờ bản đồ số 01 (tờ cũ: Độc lập), diện tích 129,93m² để sử dụng vào mục đích đất ở.

Như vậy, thửa đất số 117 (Thửa cũ LK05-11), tờ bản đồ số 01 (tờ cũ: Độc lập), diện tích 129,93m² thuộc quyền sử dụng của các đồng thừa kế là bà Phún S và ông Phún Phôi D. Ông Phún Chấn B là người đại diện của bà S và ông D.

[2.2] Tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất thì:

“Giảm 50% tiền sử dụng đất trong hạn mức đất ở đối với hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo tại các địa bàn không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định này khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất; công nhận (cấp Giấy chứng nhận) quyền sử dụng đất lần đầu đối với đất đang sử dụng hoặc khi được chuyển mục đích sử dụng từ đất không phải là đất ở sang đất ở.

Việc xác định hộ nghèo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; việc xác định hộ gia đình hoặc cá nhân là đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của Chính phủ.”

Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất thì:

“1. Hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số không thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng biên giới hải đảo và không thuộc đối tượng được miễn tiền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, công nhận quyền sử dụng đất (cấp Giấy chứng nhận) lần đầu hoặc cho phép chuyển mục đích sử dụng từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) sang đất ở thì được giảm 50% tiền sử dụng đất trong hạn mức giao đất ở. Hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số được giảm tiền sử dụng đất phải có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi có đất được cấp Giấy chứng nhận, được công nhận quyền sử dụng đất, được chuyển mục đích sử dụng đất.”

Điều 15 Thông tư này cũng quy định:

“1. Hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất gồm:

1.1. Đơn đề nghị được miễn, giảm tiền sử dụng đất; trong đó ghi rõ: diện tích, lý do miễn, giảm;

1.2. Giấy tờ chứng minh thuộc một trong các trường hợp được miễn, giảm tiền sử dụng đất (bản sao có chứng thực), cụ thể:

...

c) Đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng biên giới hải đảo phải có hộ khẩu thường trú hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã;”

Ngày 29/10/2020, ông Phún Chấn B có văn bản đề nghị miễn (giảm) thuế, với lý do thuộc đối tượng dân tộc Hoa. Ngày 09/11/2020, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ban hành Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất

đại số 2034141/PCTTĐC, trong đó xác định trường hợp của ông Phún Chấn B (là đại diện các đồng thừa kế) thuộc đối tượng miễn, giảm: Hộ đồng bào dân tộc thiểu số, dân tộc Hoa.

Tại Văn bản thỏa thuận số 03106, quyền số 04/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Đ chứng thực thể hiện bà Phún S và ông Phún Phôi D có hộ khẩu thường trú tại phường A, thành phố B. Tại giai đoạn phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Phún Chấn B, bà Phún S và ông Phún Phôi D cung cấp bản sao Giấy khai sinh của bà Phún S và ông Phún Phôi D, trong đó thể hiện ông Phún Mạnh V, bà Vòng S1, bà S và ông D đều là dân tộc Hoa.

Như vậy, bà Phún S và ông Phún Phôi D là các hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại địa bàn không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, nên thửa đất của ông bà thuộc trường hợp được giảm 50% tiền sử dụng đất trong hạn mức đất ở. Ông B là đại diện cho bà S và ông D đứng tên người sử dụng đất nên phải được giảm 50% tiền sử dụng đất trong hạn mức đất ở.

Việc Chi cục Thuế thành phố B cho rằng ông B là đại diện các đồng thừa kế nên không được giảm 50% tiền sử dụng đất trong hạn mức đất ở là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chi cục Thuế thành phố B, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do được không chấp nhận kháng cáo nên người bị kiện Chi cục Thuế thành phố B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 241 và khoản 1 Điều 349 của Luật tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Chi cục Thuế thành phố B, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2022/HC-ST ngày 27/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 110 Luật Đất đai năm 2013; Điều 10, khoản 1 Điều 12 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 15 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Phún Chấn B.

Hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2160501-TK0011162/TB-CCT ngày 01/3/2021 của Chi cục Thuế Thành phố B. Buộc Chi cục Thuế thành phố B xác định lại nghĩa vụ tài chính theo đúng đối tượng mà ông Phún Chấn B được hưởng theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Chi cục Thuế thành phố B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm. Ông Phún Chấn B được nhận lại 12.694.000 đồng (mười hai triệu sáu trăm chín mươi tư ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0003803 ngày 07/4/2021 (do ông Nguyễn Anh V nộp thay).

- Án phí hành chính phúc thẩm: Chi cục Thuế thành phố B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0012377 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Chung